

Tương đương dịch thuật và tương đương trong dịch Anh - Việt

Lê Hùng Tiến*

*Khoa Sau Đại học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 27 tháng 8 năm 2010

Tóm tắt. Tương đương dịch thuật luôn là vấn đề trung tâm của các cuộc bàn luận về dịch thuật từ khi dịch ra đời. Bài viết khảo sát những lý thuyết chính liên quan tới tương đương dịch thuật (Savory, Catford, Koller, Snell - Hornby, Venuti, v.v...) và tìm hiểu việc thiết lập tương đương dịch thuật giữa tiếng Anh và tiếng Việt. Việc khảo sát cho thấy các cách phân loại về tương đương dịch thuật có thể áp dụng cho dịch Anh - Việt, tuy nhiên một sự tương đương hoàn toàn giữa bản gốc và bản dịch là không thể đạt được và thành công của bản dịch phụ thuộc nhiều vào ưu tiên của người dịch trong việc chọn lựa và thiết lập loại hình tương đương hợp lý.

1. Vấn đề tương đương dịch thuật trong lý luận dịch

1.1. Những quan niệm khác nhau về tương đương dịch thuật

Tương đương dịch thuật là vấn đề đã được bàn tới ngay từ khi dịch thuật ra đời. Nút luận là "khái niệm trung tâm của bất cứ công trình nghiên cứu nào về dịch thuật" (Munday, [1]). Trước đây khi quan niệm dịch thuật giữa các ngôn ngữ còn đơn giản và lệ thuộc khá nhiều vào cấu trúc luận và ngôn ngữ học so sánh, tương đương dịch thuật chỉ là sự giống hoặc khác nhau giữa hai đơn vị ngôn ngữ nào đó của hai hệ thống ngôn ngữ. Nhưng ngày nay với sự phát triển nhanh chóng của ngôn ngữ học và các khoa học liên quan, vấn đề tương đương trong dịch thuật càng trở nên phức tạp hơn rất nhiều nhưng đồng thời cũng sáng tỏ hơn và phục vụ hữu ích hơn cho công việc nghiên cứu và thực hành dịch thuật. Nguyên nhân của sự

khác biệt này có thể là các tác giả xuất phát từ cách nhìn khác nhau về bản chất của ngôn ngữ, bản chất của dịch thuật và áp dụng các lý thuyết ngôn ngữ học khác nhau vào nghiên cứu dịch thuật.

Savory [2] đã đưa ra một danh sách rất nổi tiếng tổng kết lại 12 quan niệm mâu thuẫn nhau về tương đương dịch thuật, dưới đây là một vài ví dụ:

1. Bản dịch phải dịch các từ ngữ của bản gốc.
2. Bản dịch phải dịch được các ý tưởng của bản gốc.
3. Bản dịch phải đọc giống như bản gốc.
4. Bản dịch phải đọc giống như bản dịch.
5. Bản dịch phải phản ánh được phong cách của bản gốc.
6. Bản dịch phải mang phong cách của người dịch, v.v...

Khái niệm "tương đương dịch thuật" (translation equivalence) thường xuất hiện khi các tác giả đưa ra định nghĩa hoặc mô tả quá trình dịch thuật. Nhưng khái niệm này đặc biệt quan trọng khi vấn đề đánh giá, thẩm định bản

*ĐT: 84-4-37547435.
E-mail: lhtien@vnu.edu.vn

dịch được bàn đến. Catford [3] bàn đến "tương đương chất liệu văn bản" (equivalent textual material) khi ông đưa ra quan niệm dịch là sự thay thế chất liệu văn bản ngôn ngữ gốc bằng chất liệu văn bản tương đương ở ngôn ngữ nhận. Sau đó tác giả (Catford [4]) đề xuất hai loại hõnh tương đương dịch thuật chính là tương đương ngôn ngữ học (linguistic equivalence) và tương đương ở cấp độ văn hóa (cultural equivalence). Nida và Taber [5] bàn đến sự "tương đương động" (dynamic equivalence) khi các tác giả bàn đến sự cần thiết phải thiết lập một sự tương đương chức năng, tức là sự tương đương về tác động của bản dịch lên người đọc bản dịch và tác động của bản gốc lên người đọc bản gốc và cho rằng đó mới là mục đích đích thực của dịch thuật. Wilss [6] đưa ra khái niệm "tương đương về mặt thông báo" (communicative equivalence) trong dịch thuật. Barkhudarop [7] đặt yêu cầu cho việc dịch là phải tạo ra "nội dung không thay đổi" giữa bản dịch và bản gốc, tức là tương đương về ý nghĩa của văn bản. Newmark [8] cũng có quan niệm tương tự nhưng tác giả gắn ý nghĩa của văn bản với ý định của người nói/ viết là cái mà người dịch cần tạo ra cho bản dịch. Nhưng đồng thời tác giả lại nêu ra một băn khoăn rất đáng quan tâm là liệu ý nghĩa phải chuyển dịch là ý nghĩa do người viết nhằm tạo ra hay chỉ là ý nghĩa được cấu tạo lại của người dịch? Koller [9] xét tương đương dịch thuật dựa trên ý nghĩa (meaning - based) và phõn loại thành tương đương biểu vật, biểu thái, dụng học và hình thức. Baker [10] chỉ ra ba cấp độ tương đương dịch thuật dựa trên hõnh thức ngôn ngữ là tương đương ở cấp độ từ, cấp độ câu và cấp độ văn bản.

Venuti [11] lại đặt vấn đề tương đương xuất phát từ bản chất đặc biệt của dịch thuật: "Dịch thuật thường được xem xét với một sự nghi ngại vì nó không tránh khỏi việc nhập nội các văn bản ngoại, tái tạo chúng với các giá trị ngôn ngữ và văn hoá có thể thông hiểu được với một bộ phận công chúng quốc nội nào đó". Và với định nghĩa dịch là "viết lại văn bản ngoại với ngôn ngữ và diễn ngôn bản địa". Venuti thực sự đã đặt ra vấn đề tương đương

dịch thuật một cách tổng thể nhất đồng thời cũng phức tạp nhất. Những ý kiến khác nhau của các tác giả trên cho thấy sự phức tạp khó thống nhất của khái niệm này. Các tác giả trên từ quan niệm về sự tương đương dịch thuật của mình còn đề xuất rất nhiều tiêu chí để đánh giá và thẩm định bản dịch.

Hiện tại các nhà lý luận dịch có ba quan điểm khác nhau về tương đương dịch thuật như sau:

1) Tương đương là điều kiện cần thiết để dịch thuật thực hiện được và tương đương là đích của dịch thuật, là cái có thể đạt được (Catford, Nida, Toury, Koller).

2) Tương đương dịch thuật là không thể thực hiện được và là điều cản trở cho việc nghiên cứu dịch thuật (Snell - Hornby, Gentzler).

3- Tương đương là cách phân loại hữu ích để mô tả và nghiên cứu dịch thuật (Baker), là khái niệm tận dụng để nghiên cứu dịch thuật và thực hành dịch thuật chứ không hẳn là do đơn vị nào đó của khái niệm này trong lý thuyết dịch.

Sở dĩ vấn đề tương đương dịch thuật trở thành một vấn đề gai góc trong lý luận dịch thuật và ý kiến của các nhà nghiên cứu về vấn đề này rất khác nhau, thậm chí đối lập nhau là vì cách nhìn về bản chất của dịch thuật còn quá khác nhau. Nhóm thứ nhất gồm các nhà nghiên cứu nhìn nhận dịch thuật là một quá trình giao tiếp mà trọng tâm là việc chuyển dịch thông điệp từ ngôn ngữ gốc sang ngôn ngữ dịch (quan điểm chức năng ngôn ngữ đối với dịch thuật). Do vậy, khi chuyển dịch thông điệp từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác người dịch thực ra là phải giải quyết các vấn đề thuộc hai nền văn hoá chứ không chỉ là vấn đề ngôn ngữ và người dịch đóng vai trò trung gian trong quá trình giao tiếp liên văn hoá này. Việc dịch (giao tiếp) sở dĩ thực hiện được là vì nó được tiến hành ở bình diện liên văn hoá và tương đương dịch được thiết lập là nhờ các yếu tố như văn bản, văn hoá và tình huống tham gia vào quá trình dịch. Nói cách khác là ngôn ngữ trong sự hành chức của nó.

Nhóm thứ hai có quan điểm về dịch thuật hẹp hơn rất nhiều so với nhóm thứ nhất và điều này đã dẫn tới cái nhìn bi quan về dịch thuật cũng như sự tồn tại của tương đương dịch thuật. Họ quan niệm rằng dịch thuật giữa hai ngôn ngữ là vấn đề hoàn toàn thuộc về ngôn ngữ học và xem xét bản chất dịch thuật và tương đương dịch thuật theo quan niệm này là vấn đề chuyển dịch các đơn vị ngôn ngữ từ ngôn ngữ gốc sang ngôn ngữ đích một cách khá cơ giới, trên chất liệu ngôn ngữ thuộc hệ thống. Do vậy sự tương đương dịch thuật là khó đạt được, nếu không nói là bất khả thi.

Nhóm thứ ba có quan điểm trung dung khi căn cứ vào thực tế là bất luận thế nào đi chăng nữa thì dịch thuật giữa các ngôn ngữ vẫn đã, đang và sẽ được tiến hành một cách thành công. Có thể tương đương một cách triệt để là bất khả thi nhưng dù sao thì tương đương ở một mức nào đó, ở bình diện nào không quan trọng giữa hai ngôn ngữ vẫn được các nhà dịch thuật thiết lập được và do đó dịch thuật vẫn được tiến hành như một công cụ giao tiếp giữa những người thuộc các ngôn ngữ khác nhau. Có thể nói đây là quan điểm về tương đương dịch thuật kết hợp cả khía cạnh ngôn ngữ học lẫn giao tiếp khi xem xét quá trình dịch thuật.

1.2. Tương đương dịch thuật và tương đương ngôn ngữ học so sánh

Lâu nay dịch thuật thường bị coi là hoạt động ứng dụng của lý thuyết ngôn ngữ học so sánh. Quan niệm lầm lẫn này xuất phát từ cách hiểu giản đơn về dịch thuật (như đã phân tích ở

chương I), coi dịch thuật chỉ thuần túy là chuyển đổi các đơn vị ngôn ngữ (từ vựng, cấu trúc ngữ pháp) từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác một cách cơ giới. Cùng với sự phát triển của ngôn ngữ học theo hướng ngôn cảnh giao tiếp, dịch thuật được nhìn nhận là quá trình giao tiếp và từ đó các khái niệm của dịch thuật cũng được xem xét đúng với bản chất của chúng hơn. Tương đương dịch thuật cũng như vậy, nó được phân biệt với tương đương của ngôn ngữ học so sánh về bản chất. Chính sự phân biệt quan trọng này mà dịch thuật được nhìn nhận gần với bản chất của nó hơn.

Tương đương ngôn ngữ học so sánh dựa trên các tương đồng giữa hai ngôn ngữ với tư cách là hệ thống. Đó là sự tương đương liên ngôn ngữ (interlingual equivalence) dựa trên các giả thiết về một quan hệ tương đương giữa các thành tố của hai hệ thống trừu tượng của hai ngôn ngữ được so sánh. Tương đương ngôn ngữ học so sánh cũng là nền tảng của dịch máy (từ điển, mẫu câu và các quy tắc ngữ pháp cơ bản).

Tương đương dịch thuật dựa trên mối quan hệ giữa các văn bản thực, các phát ngôn ở hai ngôn ngữ khác nhau, các đơn vị ngôn ngữ trong sự hành chức (language in use). Đây là sự tương đương liên văn bản (Intertextual equivalence) dựa trên sự quan sát thực tế giữa các thành tố của văn bản thực sự ở ngôn ngữ gốc và ngôn ngữ đích. Đây cũng là nền tảng của dịch thuật thông thường của con người. Hãy xem xét và so sánh các phát ngôn tiếng Anh được dịch bằng máy (dựa trên sự tương đương ngôn ngữ học so sánh) và do người dịch.

Dịch máy (EViTRAN 2.0)

- I love you
- Blood is thicker than water
- Damn you!
- Best Buy
- Tôi yêu anh
- Máu thì dày hơn nước
- Chê trách anh!
- Mua tốt nhất

Người dịch

- Anh yêu em
- Một giọt máu đào hơn ao nước lã
- Đồ chết tiệt!
- Sự lựa chọn hoàn hảo

2. Các loại hình tương đương dịch thuật

Hiện có nhiều cách phân loại tương đương dịch thuật khác nhau dựa trên những cơ sở khác nhau. Có 4 cách phân loại tương đương khá phổ biến như sau:

1) Tương đương dựa trên hình thức (form-based equivalence): tương đương ở cấp độ từ, cấp độ câu và cấp độ văn bản (Baker).

2) Tương đương dựa trên ý nghĩa (meaning - based): tương đương biểu vật, biểu thái, dụng học và hình thức (Koller).

3) Tương đương dựa trên chức năng (Function - based): tương đương động và tương đương hình thức (Nida).

4) Tương đương dựa trên số lượng các

Xây dựng:

Batching plant	Trạm trộn
Bond stress	Ứng suất dính bám
Compressive Test	Thí nghiệm nén mẫu
Geo-textile	Vải địa kỹ thuật

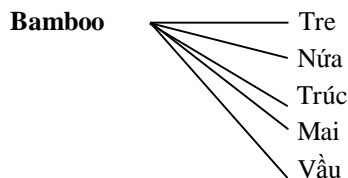
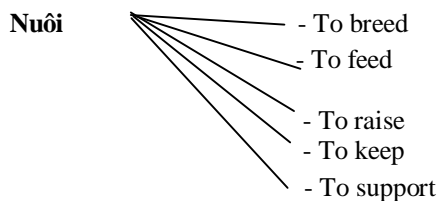
Điện lực:

Capacitance across the mains	Giá trị điện dung đi qua mạch chính
Grounding system	Hệ thống nối đất
Lead wires	Dây tín hiệu
Pull box	Hộp kéo dây

b- Tương đương một đối với nhiều hơn một: (One to many equivalence)

Một cách diễn đạt ở ngôn ngữ gốc có nhiều cách diễn đạt tương đương ở ngôn ngữ dịch.

Ví dụ:



c- Tương đương một với một bộ phận nhỏ hơn một (One to part of one)

Một cách diễn đạt ở ngôn ngữ gốc có nhiều nét nghĩa mà một cách diễn đạt ở ngôn ngữ dịch chỉ tương đương với một trong các nét nghĩa đó. Ví dụ: Từ “Bush” trong tiếng Anh Úc có nội hàm rất rộng thường được dùng để chỉ vùng đất hoang dã xa xôi hẻo lánh, kể cả sa

phần tương đương (Quantity based): tương đương một với một, một với nhiều hơn một, một với phần nhỏ hơn một, bất tương đương.

Dưới đây ta sẽ xem xét một số loại hình tương đương hay được nói tới nhất và được ứng dụng nhiều khi nghiên cứu, đánh giá bản dịch và bàn về dịch thuật.

1. Tương đương dựa trên số lượng các phần tương đương (Quantity based equivalence)

a- Tương đương một - một:

- Là kiểu tương đương trong đó một cách diễn đạt ở ngôn ngữ gốc chỉ có một cách diễn đạt tương đương ở ngôn ngữ dịch. Kiểu tương đương này thường xảy ra ở hệ thống thuật ngữ. Ví dụ:

mạc của nước Úc đôi khi được dịch bằng từ “thảo nguyên” ở tiếng Việt có nghĩa hẹp hơn rất nhiều (chỉ tương đương với một nét nghĩa của từ “bush”).

d- Bất tương đương: (Nil-equivalence)

Một cách diễn đạt có ở ngôn ngữ gốc nhưng không có ở ngôn ngữ dịch có nguyên nhân từ sự bất tương đồng ngôn ngữ và văn hoá.

Ví dụ: sushi, pizza, internet, nano

Bánh Chung = Chung cake/Banhchung

áo dài = aodai Múa khôn: *khen dance*

Wallaby (một loại thú có túi nhỏ ở Úc)

2. Tương đương dựa trên ý nghĩa (Meaning - based equivalence) của Koller:

a- Tương đương biểu vật (Denotative equivalence)

Là kiểu tương đương trong đó cách diễn đạt ở ngôn ngữ gốc và ngôn ngữ dịch đều chỉ cùng một khái niệm, sự vật trong thực tại. Đây là sự tương đương nội dung ngoài ngôn ngữ của văn bản (hai văn bản có cùng nghĩa sở chỉ). Yếu tố nội dung ngoài ngôn ngữ và kiểu loại tương đương hướng tới yếu tố này là tương đương biểu vật (denotative equivalence). Đây cũng là mục đích của bất kỳ quá trình dịch thuật nào: đó là phải đạt được sự quy chiếu tới sự vật, hiện tượng tương đương của các đơn vị ngôn ngữ gốc và dịch. Ví dụ: Khi dịch cụm từ “the Great Fire of London” sang tiếng Việt dịch giả phải làm cho đọc giả tiếng Việt liên hệ tới vụ hoả hoạn lớn năm 1666 ở Luân Đôn. Có bản dịch tiếng Việt đã dịch thành “*cuộc khởi nghĩa Great Fire*” (?) khiến người đọc tiếng Việt liên hệ tới một hiện tượng khác hẳn so với hiện tượng mà nguyên tác nói tới.

b- Tương đương biểu cảm (connotative equivalence)

Là kiểu tương đương dựa trên ý nghĩa biểu cảm của ngôn ngữ. Ngoài ý nghĩa biểu vật, từ ngữ của cả ngôn ngữ gốc và ngôn ngữ dịch cần tạo ra các giá trị giao tiếp tương đương khi được người đọc bản ngữ của hai ngôn ngữ tiếp nhận.

Các ý nghĩa biểu thái (connotations) được thể hiện qua việc lựa chọn từ ngữ. Yếu tố này dẫn tới kiểu loại tương đương biểu thái (connotative equivalence). Sự tương đương này được thiết lập trên cơ sở các cấp độ khác nhau về phong cách chức năng (register), các bình diện xã hội, địa lý và tần số sử dụng được phản ánh trong ngôn ngữ, v.v... Kiểu loại tương

đương này còn được gọi là tương đương về phong cách (stylistic equivalence).

Đây là sự tương đương được tạo bởi cách lựa chọn từ ngữ cụ thể từ các diễn đạt đồng nghĩa trên nhiều phương diện khác nhau như văn phong, cách sử dụng, xã hội, địa phương, tần số sử dụng, v.v...

Dưới đây ta sẽ xem xét một số kiểu loại tương đương biểu cảm trong thực tiễn dịch thuật Anh - Việt.

- Khía cạnh cấp độ lời nói (speech level) gồm: các giá trị phong cách khác nhau như: Nghi thức, gọt giũa, thơ ca, trung hoà, khẩu ngữ, tiếng lóng, thô tục. Ví dụ: Giá trị biểu cảm dựa trên cấp độ ngôn ngữ:

- Ngôn ngữ nghi thức: Thư từ giao dịch công việc

Dear Sir/Madam,

As I am deeply interested in the salesman career, I write to your company in the hope that you will be able to employ me.

[...]

I am earnest in my desire to offer my service to you. I therefore sincerely hope that you will give due consideration to my application. I look forward to receiving your reply.

Faithfully Yours,

Kính gửi Quý ông/bà,

Tôi viết thư này với mong muốn được quý công ty tuyển vào vị trí nhân viên bán hàng, bởi đây là công việc phù hợp với năng lực và sở thích của tôi.

[...]

Với tất cả lòng nhiệt thành, tôi rất mong muốn được phục vụ trong công ty. Tôi hy vọng Quý ông/bà sẽ lưu tâm xem xét đơn xin việc của tôi. Kính mong nhận được hồi âm của Quý ông/bà.

Kính thư.

- Ngôn ngữ thi ca:

A red, red rose

Robert Burns

As fair art thou, my bonnie las,
So deep in luvè am I,
And I'll luvè thee stìl, my dear,
Till a' seas gang dry.

Cách diễn đạt ở cả bản gốc tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt đều có chung một đặc điểm của ngôn ngữ thi ca với những lối nói rất ít dùng trong đời thường, có tính vang và sáo nhằm tạo giá trị thẩm mỹ đặc biệt của thi ca. Để tạo được tương đương kiểu loại này người dịch phải có trình độ ngôn ngữ ít nhất là gần ngang bằng với tác giả nguyên bản.

- Giá trị biểu cảm dựa trên nghi thức xã hội (connotation of socially determined usage) Khía cạnh quan hệ xã hội: ngôn ngữ người có học vấn, người lao động, quân nhân, sinh viên, v.v...

Ví dụ: Ngôn ngữ thượng lưu

Your majesty Tâu bệ hạ
Sir Thưa ngài

- Giá trị biểu cảm dựa trên quan hệ địa lý

Ví dụ: Dịch uyển ngữ

Cách nói bình thường:

- The poor
Người nghèo
- HIV patients
Bệnh nhân HIV

Nếu người dịch không ý thức được kiểu loại tương đương này sẽ dễ dàng tạo ra bản dịch bất tương đương về mặt ý nghĩa và bỏ qua hiệu quả tu từ rất quan trọng này.

Tái tạo các tương đương phong cách là nhiệm vụ khó khăn của người dịch và là việc không thể hoàn thành một cách triệt để. Để đạt được tương đương dịch thuật này, người dịch phải phân tích cho được các đặc điểm phong cách ngôn ngữ bản gốc, các yếu tố cấu trúc sử

Bông hồng thắm

N.X. Thom dịch

Em đẹp lắm, ơi cô gái nhỏ
Anh đắm say em tự bao giờ
Anh sẽ mãi còn yêu em đó
Yêu đến ngày biển cạn sông khô

hoặc nguồn gốc (connotation of geographical relation or origin). Khía cạnh quan hệ địa lý: chung chung, phương ngữ, thổ ngữ, v.v...

Ví dụ:

As fast as a kangaroo Nhanh như
Kang-gu-ru

Cách dịch này tạo ra giá trị biểu cảm riêng cho thấy người nói dùng tiếng Anh Úc (chỉ nguồn gốc, địa phương của người nói). Cách dịch thuần Việt “*nhANH NHƯ SỐC*” sẽ làm mất đi sắc thái nghĩa này.

- Giá trị biểu cảm dựa trên hiệu quả tu từ (connotation of stylistic effect)

Khía cạnh phương tiện: ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết. Khía cạnh hiệu quả tu từ: cổ, khoa trương, kiểu cách, thời thượng, uyển ngữ, giản dị, v.v...

Uyển ngữ:

- The underprivileged
Người kém may mắn/có hoàn cảnh khó khăn
- People living with HIV
Những người sống chung với/ có HIV

dụng để đạt được phong cách đó, gắn chúng với các khía cạnh phong cách nói trên và tái tạo lại chúng ở ngôn ngữ dịch bằng các phương tiện diễn đạt phù hợp.

- Giá trị biểu cảm dựa trên ngữ vực (register). Khía cạnh phong cách chức năng: thường dùng, kỹ thuật, nghề nghiệp.

Ví dụ: ngôn ngữ kỹ thuật

First of all, steel plates and bars are taken from the stockyard to the preparation shop.

Here they are cleaned by shot blasting. Then, they are coated with primer paint to prevent corrosion. Later they are cut and shaped automatically by machines.

Trước hết, các tấm và thanh thép được đưa ra khỏi kho đưa tới phân xưởng tiền chế. ở đây chúng được làm sạch bằng việc phun cát. Sau đó chúng được bọc bằng một lớp sơn chống gỉ để ngăn sự ăn mòn. Tiếp theo, chúng được cắt và tạo phôi tự động bằng máy.

Trong bản gốc có rất nhiều thuật ngữ ngành thép và bản dịch cũng có các thuật ngữ tương đương tạo nên giá trị biểu cảm tương tự cho người đọc tiếng Việt.

- Giá trị biểu cảm dựa trên sự định giá (evaluation) và thái độ (attitude). Khía cạnh đánh giá: khen ngợi, chê bai, giễu cợt, v.v...

Ví dụ:

die	<i>chết</i> (trung tính)
pass away	<i>đi xa, qua đời</i> (trang trọng)
kick the bucket	<i>ngheo, toi đời</i> (điễu cợt)

3. Tương đương ngữ dụng (Pragmatic equivalence): Yếu tố người nhận (người đọc) mà bản dịch hướng tới dẫn tới một loại tương đương dịch thuật gọi là tương đương ngữ dụng (pragmatic equivalence hoặc communicatively equivalence). Đây là kiểu tương đương được người dịch ưu tiên thiết lập khi phải dịch phục vụ một đối tượng người đọc đặc thù (readership) nào đó. Người dịch có thể phải thoát ra khỏi các yêu cầu của chuẩn sử dụng ngôn ngữ trên văn bản gốc và văn bản dịch, thậm chí cả tương đương biểu vật và biểu thái nhằm phục vụ sự thông hiểu của lớp người đọc nào đó. (Ví dụ như dịch các văn bản khoa học kỹ thuật phục vụ đối tượng không có chuyên môn khoa học kỹ thuật).

Kiểu tương đương này cũng được sử dụng khi cần tạo hiệu quả tác động tới người đọc như biểu hiện thái độ của tác giả đối với đối tượng được nói tới trong văn bản (theo cách giải thuyết của người dịch).

Ví dụ: Trong truyện vừa “*Tình yêu cuộc*

sống” (Love of Life) tác giả Jack London dùng đại từ “He” trong tiếng Anh để chỉ nhân vật chính của truyện nhưng khi dịch sang tiếng Việt đã có ba cách dịch khác nhau giữa ba dịch giả:

He	→	anh (Đắc Lê)
(J. London)	→	Y (Dương Tường)
	→	gã (Lê Bá Kông)

Ba cách dịch trên phản ánh ba quan điểm khác nhau của dịch giả về nội dung câu truyện qua thái độ của tác giả bản gốc đối với nhân vật chính và được các dịch giả giải thuyết theo ba cách khác nhau: Đắc Lê dịch với thái độ tích cực với nhân vật qua đại từ “anh”, Dương Tường dịch với thái độ trung tính qua đại từ “y” và bản dịch của Lê Bá Kông có thái độ xa cách thiếu thiện cảm hơn qua đại từ “gã”. Ba cách dịch này cũng tạo ra tác động khác nhau đến người đọc tiếng Việt.

4 - Tương đương qui chuẩn của văn bản (text - normative equivalence)

Yếu tố thể loại văn bản và các chuẩn sử dụng ngôn ngữ (text type and language usage norms) dẫn tới kiểu loại tương đương dịch thuật được gọi là tương đương chuẩn văn bản (text normative equivalence). Đây là loại tương đương cần thiết lập khi dịch các văn bản có các chuẩn về lựa chọn và sử dụng các đơn vị từ vựng, ngữ pháp đã được quy ước hoá cao như văn bản luật pháp, thư tín thương mại, khoa học kỹ thuật. Người dịch cần nắm chắc các chuẩn về văn bản ở hai ngôn ngữ để có những chuyển dịch cần thiết nhằm đạt được sự tương đương hình thức này. Loại tương đương này được tạo ra khi cả lối diễn đạt của ngôn ngữ gốc và ngôn ngữ dịch có qui chuẩn giống hay tương tự nhau ở ngôn ngữ.

Ví dụ:

- Thư tín: Dear Sir or Madam, Kính gửi... /
Kính thưa Quý ông/bà

Yours sincerely, Kính thư

- Luật pháp:

• Article.2. The organization and its members, in persuit of the purposes stated in Article 1, shall act in accordance with the following principles:

1) The organization is based on the principle fo the sovereign equality of all its members.

Để tạo được kiểu loại tương đương này người dịch cần có kiến thức về chuẩn văn bản ở cả ngôn ngữ gốc và ngôn ngữ dịch như văn bản thư tín thương mại, hành chính, luật pháp, v.v...

5 - Tương đương hình thức (formal equivalence)

Yếu tố các đặc điểm hình thức - thẩm mỹ của văn bản gốc dẫn tới loại tương đương hình thức (formal equivalence). Các đặc điểm này bao gồm sự chơi chữ, các khía cạnh ngoài ngôn ngữ, các đặc điểm phong cách cá nhân của người viết. Người dịch phải tạo ra "sự tương tự về hình thức" trong bản dịch qua việc khai thác các khả năng sẵn có của ngôn ngữ hoặc sáng tạo ra hình thức mới nếu cần thiết. Đây là loại tương đương cần thiết lập đối với việc dịch các văn bản văn chương nghệ thuật mà ý nghĩa phần lớn được tạo bởi các yếu tố hình thức văn bản. Để tạo tương đương này các yếu tố từ vựng, ngữ pháp, cấu trúc và phong cách văn bản phải được sử dụng như thế nào đó để tạo ra hiệu quả thẩm mỹ của văn bản gốc. Đây là loại tương đương được tạo bởi hình thức diễn đạt (form expression) khi cả ngôn ngữ gốc và ngôn ngữ dịch cùng có các đặc điểm thẩm mỹ do hình thức tạo ra - có thể là các đặc điểm chữ viết hoặc ngữ âm ở văn bản. Các khả năng tương đương hình thức có nguồn gốc từ ngữ âm học như vần, điệu, thể thơ, tu từ học như chơi chữ, ẩn dụ, hoán dụ, v.v...

Tương đương hình thức là loại tương đương quan trọng bậc nhất trong dịch thơ, lời bài hát, văn xuôi biểu cảm, v.v... vốn là các thể loại văn bản mà hình thức diễn đạt quan trọng hơn nội dung diễn đạt. Phân tích kỹ về mặt lý luận việc dịch ca từ cho bài hát ta sẽ thấy nhiều điều thú vị và sẽ phần nào 'minh oan' cho các dịch giả ca từ vốn hay bị qui kết là "phân" tác giả.

• Điều 2. Để đạt được những mục đích nêu ở điều 1, liên hợp quốc và các thành viên liên hợp quốc hành động phù hợp với những nguyên tắc sau đây:

1) Liên hợp quốc được xây dựng trên nguyên tắc bình đẳng chủ quyền của tất cả các nước thành viên.

Về mặt lý thuyết thì dịch bài hát là loại hình dịch đặc biệt được gọi là dịch *normal + partial phonological translation* (dịch thông thường + chuyển dịch âm vị học bộ phận). Loại hình *dịch thông thường (normal translation)* là việc dịch văn bản ở ngôn ngữ gốc thành văn bản ở ngôn ngữ dịch trên ba bình diện chính là từ vựng-ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng. Nói nôm na là chuyển dịch phần câu chữ, phần nội dung và phần tác động của văn bản lên người đọc. Nhưng do một mục đích đặc biệt nào đó người dịch phải ưu tiên chuyển dịch một trong ba bình diện trên của văn bản so với các bình diện còn lại thì sẽ có các kiểu dịch đặc biệt. Dịch bài hát và dịch thơ được xếp vào loại hình *dịch thông thường + chuyển dịch âm vị học bộ phận* là loại *dịch bán đặc biệt*, tức là ngoài việc dịch bình thường người dịch phải ưu tiên chuyển dịch văn bản theo các nguyên tắc âm vị học và ngữ âm học để đáp ứng được đòi hỏi của loại văn bản đặc thù này. Thơ có vần điệu, bài hát có giai điệu, hoặc cả hai yếu tố trên đều có thể thấy ở loại văn bản này. Khi viết thơ hoặc đặt lời cho bài hát tác giả phải tính tới yếu tố này, thậm chí còn bị chi phối ràng buộc chính bởi các nguyên tắc do các yếu tố này đặt ra.

Khi viết ca từ, tác giả bị chi phối rất nhiều bởi các qui luật của âm vị học. Một qui luật quan trọng là mỗi âm tiết phải rơi vào ít nhất là một nốt nhạc thì ca sĩ mới hát được. Do vậy ta thấy trên bản nhạc mỗi tiếng trong tiếng Việt được viết tương ứng dưới một nốt nhạc. Trong tiếng Anh từ đa âm tiết được viết tách ra để mỗi âm tiết cũng tương ứng với một nốt nhạc. Đôi khi vài âm tiết có thể chỉ tương ứng với một nốt nhạc nhưng chỉ có một âm tiết được nhấn mạnh và các âm tiết còn lại bị lướt đi khi hát (về mặt kỹ thuật trường hợp này bị coi là lời khó hát). Ngoài ra tác giả lại còn bị chi phối

bởi các qui luật ngữ âm phức tạp hơn nữa là đặc điểm của âm cuối mỗi âm tiết: âm tiết kết thúc bằng phụ âm tắc (âm tiết đóng) không thể phát âm kéo dài được trong khi âm tiết kết thúc bằng nguyên âm (âm tiết mở) có thể phát âm kéo dài gần như tùy ý. Âm tiết kết thúc bằng âm vang mũi (như /n/, / /) có thể phát âm kéo dài và tạo âm hưởng ngân vang. Nhạc sỹ và nhà thơ thường căn cứ vào các qui luật này để chọn từ cho thơ và bài hát để tạo các hiệu quả cần thiết. Ví dụ ở những chỗ cần ngân dài ca từ không thể kết thúc bằng âm tiết đóng mà phải là âm tiết mở hoặc âm tiết có âm vang mũi. Ngoài ra qui luật về thanh điệu, âm vực cũng chi phối đáng kể việc chọn từ của nhà thơ và nhạc sỹ khi sáng tác. Dịch giả, tác giả thứ hai của văn bản, cũng bị chi phối bởi các nguyên tắc đã ràng buộc tác giả nguyên bản. Thậm chí dịch giả còn bị ràng buộc chặt chẽ hơn nhiều so với tác giả vì dịch giả phải diễn đạt lại ý của tác giả chứ không phải ý riêng của mình. Tác giả khi không chọn được từ đáp ứng được đòi hỏi của qui luật ngữ âm thì có thể đổi ý để chọn được từ thích hợp còn dịch giả thì không được làm như vậy (vì nếu đổi ý nghĩa, dịch giả sẽ bị qui là “phản bội” tác giả). Ví dụ dịch lời bài hát “Love story” - *Câu chuyện tình yêu*:

Where/ do / I / be- / gin?/ To/ tell / a
sto/-ry /of /how/great /a love/ can/be?

Câu / chuyện/ tình/ năm/ xưa,/ từ / thời/
xa /xưa/ nay/ đã / trở / về /trong /tôi.

The / love/ sto- / ry / that- is/ ol- /der /
than/ the /sea.

Dòng/ thời/ gian/ trôi/ như / áng/ mây/
buồn/ chơi/ voi.

Koller (1990) cũng chỉ ra rằng dịch thuật không thể bảo đảm giữ gìn được tất cả các giá trị của văn bản gốc mà đây là quá trình ưu tiên một sự lựa chọn nào đó. Căn cứ vào toàn bộ

văn bản như một chỉnh thể hay từng trích đoạn của văn bản, người dịch phải thiết lập một thang độ các giá trị ưu tiên giữ gìn trong quá trình dịch, từ đó lập ra một thang độ các yêu cầu về tương đương cho trích đoạn văn bản và toàn bộ văn bản đó.

Tương đương dịch thuật vẫn đang còn là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, những quan niệm về tương đương dịch thuật phản ánh quan niệm về bản chất dịch thuật. Nhiều vấn đề liên quan đến tương đương dịch thuật vẫn đang cũn đề ngỏ mà câu trả lời vẫn phải phụ thuộc vào những thành tựu mới trong nghiên cứu ngôn ngữ học và các khoa học liên quan.

Tài liệu tham khảo

- [1] J. Munday, *Introducing translation studies- theories and applications*, Routledge, London, 2001.
- [2] T.H. Savory, *The Art of Translation*, Cape, London, 1968.
- [3] J.C. Catford, *A linguistic theory of translation*, OUP, 1967.
- [4] J.C. Catford, “*Translation: overview*” In *The encyclopedia of language and linguistics*. Asher, R.E. (ed). Pergamon Press, 1994.
- [5] Nida & Taber, *The theory and practice of translation*, Leiden, (1968/1982).
- [6] W. WILSS, *The Science of Translation, Problems and Methods*, Tübingen, Narr, 1982.
- [7] Barkhudarop, *Ngôn ngữ và dịch. Matxcova*, (Bản dịch tiếng Việt của Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 1979), 1975.
- [8] P. Newmark, *A textbook of translation*, Prentice Hall International, 1988.
- [9] W. Koller, *Equivalence in translation theory*, Heidenberg: Quelle Und Meyer, 1990.
- [10] M. Baker, *In other words, A coursebook on translation*, Routledge-London, 1992.
- [11] L. Venuti, *The Translation Studies Reader*, Routledge-London, 2001.

Translation equivalence and equivalence in English - Vietnamese translation

Le Hung Tien

*Department of Post-Graduate Studies, College of Foreign Languages,
Vietnam National University, Hanoi, Pham Van Dong Street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Translation equivalence has always been the central issue for discussion since translation came into being. The article reviews some major theories relating to translation equivalence (Savory, Catford, Koller, Snell - Hornby, Venuti etc.) and investigates how translation equivalence is established in English -Vietnamese translation. The investigation shows that the general equivalence categories can be applicable to the translation between English and Vietnamese, however a complete equivalence between the original and the translation is impossible and the success of translation depends much on the translator's priority in the choice of equivalence type to be established.